

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA TRI
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79A /2020/DS-ST
Ngày: 06/10/2020
V/v “Đòi lại tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Sương

2. Ngô Văn Đức

- Thư ký phiên tòa: Bà Giả Huệ Tiên – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Chúc – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 10 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện Ba Tri tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 177/2020/TLST- DS ngày 24 tháng 7 năm 2020 về việc “Đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2020/QĐST - DS ngày 07 tháng 9 năm 2020 và Thông báo dời lịch xét xử số 19/TB – TA ngày 28 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà K, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Số 47, Khu phố 2, thị trấn B huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà T, sinh năm 1959.

Trú tại: Số 80, Khu phố 2, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre. (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông C, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số 047, ấp G, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, phía nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 30/6/2010 đến ngày 03/7/2010, ông C có mua thức ăn tôm và mua thuốc cho tôm của bà K số tiền 8.997.000 đồng. Ngày 21/7/2010 đến ngày 28/7/2010, ông C mua của bà K số tiền 8.152.000 đồng. Từ ngày 01/8/2010 đến ngày 09/8/2010, ông C mua của bà K với số tiền 22.313.000 đồng. Từ ngày 15/8/2010 đến ngày 27/8/2010, ông C mua của bà K với số tiền 15.443.000 đồng. Từ ngày 28/8/2010 đến ngày 02/9/2010, ông C mua của bà K với số tiền 33.240.000 đồng. Từ ngày 05/9/2010 đến ngày 09/9/2010, ông C mua của bà K với số tiền 16.225.000 đồng. Từ ngày 11/9/2010 đến ngày 22/9/2010, ông C mua của bà K với số tiền 12.590.000 đồng. Từ ngày 23/9/2010 đến ngày 26/9/2010, ông C mua của bà K với số tiền 21.857.000 đồng. Từ ngày 29/9/2010 đến ngày 07/10/2010, ông C mua của bà K với số tiền 12.730.00 đồng. Từ ngày 10/10/2010 đến ngày 20/10/2010, ông C mua của bà K với số tiền 4.215.000 đồng. Từ ngày 22/10/2010 đến ngày 31/10/2010, ông C mua của bà K với số tiền 21.020.000 đồng. Từ ngày 12/11/2010 đến ngày 18/11/2010, ông C mua của bà K với số tiền 2.795.000 đồng. Từ ngày 18/11/2010, ông C không mua nữa nên kết thúc số tiền ông C còn thiếu 179.581.000 đồng. Ngày 15/10/2010, ông C có trả số tiền 20.000.000 đồng, ông C trả hàng lại với số tiền 7.896.000 đồng. Còn lại số tiền ông C còn thiếu 151.685.000 đồng. Ngày 18/11/2011, bà K có đến nhà ông C lấy tiền nhưng ông C không trả mà hẹn nhiều lần còn hứa đóng lãi cho bà K 3%/tháng nhưng ông C không đóng lãi cho đến nay. Nay bà K yêu cầu ông C trả số tiền còn nợ là 151.685.000 đồng và tiền lãi từ ngày 18/11/2011 đến ngày 15/9/2020 là 105 tháng (lãi suất 1%/tháng) với số tiền lãi là 157.500.000 đồng. Tổng số tiền bà K yêu cầu ông C phải trả là 309.185.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn trình bày:

Giữa ông và bà K có làm ăn mua bán thức ăn thủy sản với nhau. Ông C có mua thức ăn và thuốc thủy sản của bà K cách nay đã trên 10 năm, ông C không nhớ chính xác thời gian. Thời gian đầu nuôi tôm trúng nên khi thu hoạch tôm năm nào là ông C trả tiền hết năm đó. Nhưng khoảng đến năm 2012 thì ông C làm ăn thất bại, tôm chết nên không có khả năng thanh toán trả tiền cho bà K. Hai bên có ngồi lại chốt nợ, ông C còn thiếu bà K số tiền 72.000.000 đồng nhưng không có lập giấy tờ gì hết, bà K cũng không có yêu cầu tính lãi của số tiền nợ thức ăn và cho ông C trả dần số tiền trên. Đến trước Tết năm 2020, bà K có đến yêu cầu ông C trả tiền và ông C có trả cho bà K số tiền 10.000.000 đồng nhưng do chỗ thân quen nên không có làm giấy giao nhận. Hiện tại, ông C còn nợ bà K số tiền 62.000.000 đồng. Việc bà K khởi kiện yêu cầu ông C trả số tiền 151.685.000 đồng và tính lãi như bà K yêu cầu ông C không đồng ý. Việc sổ sách bà K đưa ra ông C không đồng ý, tất cả chữ viết trong đó do bà K tự viết, ông không có giữ sổ mua bán giữa hai bên. Bà K tự viết từng trang và không có đưa tôi ký từng trang sổ mua bán nên

ông C không đồng ý. Còn chữ “Đặng V Cường” ở trang thứ 26 là do ông C viết nhưng do bà K đưa cho ông C viết vào tờ giấy trắng, còn những chữ khác trong sổ là do bà K tự viết, ông C không yêu cầu giám định chữ ký của ông và chữ viết của bà K trên sổ mua bán mà bà K đã nộp. Ông C không đồng ý với các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn nộp và số tiền mà bà K yêu cầu. Ông C chỉ đồng ý trả cho bà K số tiền còn nợ là 62.000.000 đồng và không trả tiền lãi. Vì hai bên chỗ chị em nên việc mua bán không có tính lãi suất. Tại phiên tòa, ông C có yêu cầu Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng thời hiệu đối với hợp đồng mua bán thức ăn, thuốc nuôi tôm giữa ông và bà K.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

- Về thủ tục: Xét thấy trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Thành viên HĐXX thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Vụ án được đưa ra xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Nguyên đơn và bị đơn không thống nhất số tiền mua thức ăn, thuốc cho tôm còn thiếu là 151.685.000 đồng. Tuy nhiên, bị đơn thừa nhận chữ viết “Đặng V Cường” trong trang chốt nợ là do bị đơn viết là phù hợp với lời trình bày của phía nguyên đơn có chốt số nợ trên. Bị đơn cho rằng do tin tưởng nên nguyên đơn có đưa giấy trắng bị đơn viết tên vào chứ không biết nội dung, bị đơn và nguyên đơn đã chốt số nợ là 72.000.000 đồng, bị đơn có trả số tiền 10.000.000 đồng cho nguyên đơn vào năm 2020 và chỉ còn thiếu lại 62.000.000 đồng nhưng không có căn cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận. Đối với số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu do thời hiệu khởi kiện đối với tranh chấp hợp đồng mua bán đã hết và quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “đòi lại tài sản” nên yêu cầu tính lãi đối với số tiền gốc là không phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 166 của Bộ luật dân sự. Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 166, 221 của Bộ luật dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông C có nghĩa vụ trả cho bà K số tiền 151.685.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà K và ông C có thỏa thuận giao dịch mua bán thức ăn, thuốc nuôi thủy sản bắt đầu từ 26/6/2010 đến ngày 18/11/2010 thì kết thúc. Trong thời gian thực hiện giao dịch mua bán, hai bên thỏa thuận xong vụ

nuôi tôm thì ông C sẽ thanh toán tiền mua bán thức ăn và thuốc nuôi tôm cho bà K. Từ ngày 15/11/2020 cho đến cuối tháng 12/2019 (AL), ông C vẫn sinh sống tại địa phương nhưng bà K không tranh chấp yêu cầu ông C trả số tiền nợ. Tại phiên tòa, ông C có yêu cầu HĐXX áp dụng thời hiệu khởi kiện. Vì vậy, HĐXX căn cứ Điều 429 của Bộ luật dân sự xác định thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng đã hết và quan hệ tranh chấp của vụ án là “đòi lại tài sản”.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ 151.685.000 đồng. Bị đơn không thừa nhận có nợ số tiền này mà cho rằng chỉ còn nợ 62.000.000 đồng, nhưng bị đơn không có cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Đồng thời, bị đơn thừa nhận chữ viết “Đặng V Cường” là của bị đơn, trong khi bị đơn cho rằng bà K đưa sổ cho bị đơn ký vào tờ giấy trắng nhưng bị đơn không chứng minh được cho lời trình bày của mình. Vì vậy, lời trình bày của nguyên đơn là có cơ sở nên được HĐXX chấp nhận. Tuy nhiên về số tiền ông C còn nợ thì tại trang thứ 26 của sổ nợ nguyên đơn có trừ số tiền 7.896.000 đồng còn 143.7890.00 đồng nên HĐXX chỉ chấp nhận số tiền ông C còn nợ nguyên đơn là 143.789.000 đồng.

[3] Về yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn: HĐXX thấy rằng trong quá trình thực hiện giao kết hợp đồng mua bán giữa hai bên không có thỏa thuận mức lãi suất của số tiền nợ, đến ngày chốt nợ là ngày 15/11/2020 thì bà K mới tính lãi suất 3%/tháng. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu tính lãi suất và yêu cầu tính thời hiệu. Đồng thời, HĐXX xác định quan hệ tranh chấp là đòi lại tài sản nên yêu cầu tiền lãi của nguyên đơn không được HĐXX chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền không được HĐXX chấp nhận, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn. Theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 166, 221, 357 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông C có nghĩa vụ trả cho bà K số tiền 143.789.000 (Một trăm bốn mươi ba triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong tất cả

các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bị đơn ông C nộp số tiền án phí 7.189.000 (Bảy triệu một trăm tám mươi chín nghìn) đồng.

Buộc bà K phải nộp số tiền án phí 8.269.800 (Tám triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000244 ngày 15/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Buộc bà K phải nộp tiếp số tiền án phí sau khi được khấu trừ là 519.800 (Năm trăm mười chín nghìn tám trăm) đồng.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Thanh Tùng